

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-PT

Ngày 14 - 02 - 2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nga, ông Hoàng Hữu Tăng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường, Thư ký viên chính Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT - DS ngày 16/12/2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐPT-DS ngày 02/01/2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Luyện Văn V, sinh năm 1971 (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1973 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1985; Trú tại: Nhà số 3, ngách 5/6 đường LC, phường CD, quận Nam TL, Tp Hà Nội. (có mặt).

3/ *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tân C – Chủ tịch UBND xã Ngọc Long. (vắng mặt).

3.2 Ông Luyện Ngọc Th, sinh năm 1959 (vắng mặt).

3.3 Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.4 Ông Luyện Văn C2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.5 Bà Luyện Thị Th1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.6 Bà Lê Thị C3, sinh năm 1969 (có mặt).

3.7 Ông Luyện Văn X, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

3.8 Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 (vắng mặt).

3.9 Chị Trần Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn ThX, xã NgH, huyện YM, tỉnh HY.

3.10 Chị Luyện Thị A, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ChL, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

3.11 Chị Luyện Thị Nh, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn DT, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

3.12 Chị Luyện Thị Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

Chị Quỳnh ủy quyền cho anh Đỗ Văn Dũng, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn TT, thị trấn YM, huyện YM, theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/7/2019. (vắng mặt).

3.13 Anh Luyện Xuân Q1, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY.

3.14 Ông Luyện Văn Th2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

3.15 Ông Luyện Văn Th4, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY

4/ Người làm chứng:

4.1 Ông Luyện Hoài Th5, sinh năm 1962 (vắng mặt).

4.2 Ông Luyện Văn Th2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

4.3 Ông Đỗ Minh Biên, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Đỗ Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ông Luyện Văn V trình bày:

Năm 1993 địa phương giao đất nông nghiệp cho các hộ dân, hộ gia đình ông được chia 04 suất, gồm của hai vợ chồng ông là Luyện Văn V, Lê Thị C3 và hai con là Luyện Thị A, Luyện Thị Nh, định mức mỗi suất được chia 660m², tổng diện tích nhà anh đã nhận là 2.640m². Hộ gia đình anh trai là Luyện Văn Ng và Đỗ Thị D được chia 02 suất ruộng, tổng diện tích đã nhận là 1.320m².

Năm 1997 vợ chồng ông Ng vỡ nợ, nên đã cầm cố toàn bộ đất ở và đất nông nghiệp cho bà O (bà O là chị gái ông, bà O đã chết) với số tiền 8.000.000đ để vào miền Nam làm ăn. Khoảng 3 – 4 năm sau không thấy vợ chồng ông Ng mang tiền về chuộc lại nhà đất, nên bà O có nhờ ông lấy lại nhà đất của ông Ng giúp bà có tiền trả nợ và giữ đất cho vợ chồng ông Ng sau này về chuộc lại có chỗ đất ở, nên vợ chồng ông đã đưa 8.000.000đ cho cho bà O tại nhà, hai bên không làm văn bản giấy tờ gì. Sau khi nhận tiền bà O bàn giao toàn bộ nhà đất ở, đất nông nghiệp cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng. Ông đã báo lại cho vợ chồng ông Ng biết, vợ chồng ông Ng hoàn toàn nhất trí. Sau khi quản lý nhà đất ở, đất nông nghiệp của hộ ông Ng từ bà O thì vợ chồng ông có xây ngôi nhà cấp 4 trên đất thổ cư của ông Ng để bán hàng vật liệu xây dựng, đối với đất nông nghiệp thì vợ chồng ông canh tác, riêng đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông thì vợ chồng ông trồng chuối.

Năm 2002 địa phương thực hiện việc dồn điền đổi thửa, ông có gọi điện thông báo cho vợ chồng ông Ng biết thì vợ chồng ông Ng bảo ông ở nhà đi nhận đất hộ. Lý do ông phải thông báo cho vợ chồng ông Ng là vì theo sổ sách quản lý của địa phương hộ ông Ng đứng tên quyền sử dụng 02 suất đất nông nghiệp.

Do vợ chồng ông Ng nhất trí và được thôn, xã đồng ý, nên nhà ông và nhà ông Ng được lập chung một phương án chia ruộng với tổng số 06 nhân khẩu, ông là người đi gấp phiếu và nhận đất chung của hai gia đình với tổng diện tích 3794m² ở các xứ đồng sau: Cửa Hàng 360m²; Đồng Lau Trên 648m²; Đồng Lau dưới 1.526m²; Đồng Đùng một thửa diện tích 1118m² và một thửa diện tích 142m², nếu ông không nhận hộ thì nhà ông Ng bị địa phương quản treo đất.

Do xã muốn quy hoạch toàn bộ đất nông nghiệp tại xứ đồng Bia Vuông của thôn Đông Phòng làm đất dịch vụ, nên năm 2002 xã không đưa diện tích đất ở xứ đồng này vào quỹ đất dồn điền đổi thửa để cho các hộ gấp phiếu. Sau khi gấp phiếu được các xứ đồng trên, ông đã gọi điện thông báo cho ông Ng biết. Ông và ông Ng thống nhất giữ lại diện tích đất ở xứ đồng Bia Vuông và bỏ hai thửa ở xứ đồng Đồng Đùng và bảo ông đào ao, thả cá trên diện tích đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông. Nên ông đã bỏ toàn bộ kinh phí đào ao, trồng cây to ở toàn bộ diện tích đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông để giữ thửa ruộng này và bỏ 02 thửa ruộng ở xứ đồng Đồng Đùng, diện tích đất thiếu so với tiêu chuẩn hai nhà cùng chịu. Khi thôn bàn giao đất anh chỉ nhận ở các xứ đồng Cửa Hàng 360m²; Đồng Lau Trên 648m²; Đồng Lau Dưới 1.526m², còn 02 thửa ruộng ở xứ đồng Đồng Đùng không nhận, thay vào đó nhận 864m² ở xứ đồng Bia Vuông và cam kết với thôn không đòi thêm đất ở xứ đồng nào khác, thiếu gia đình tự chịu, do vậy thôn và xã đã nhất trí cho anh lấy toàn bộ 864m² đất ở xứ đồng Bia Vuông thay 1260m² ở xứ đồng Đồng Đùng.

Năm 2004, ông Ng bị tai nạn giao thông trong nam, ảnh hưởng não, nên năm 2005 gia đình ông Ng về quê sinh sống. Mặc dù vợ chồng ông Ng không trả 8.000.000đ cho ông, nhưng ông vẫn bàn giao nhà đất thổ cư cho vợ chồng ông Ng sinh sống. Vì ông Ng thần kinh không bình thường, hay chửi bới, đập phá gạch ngói ở cửa hàng vật liệu xây dựng của vợ chồng ông, cầm dao chửi bới dọa đâm chém vợ chồng anh, sợ ảnh hưởng đến tính mạng, nên vợ chồng ông đã chuyển cửa hàng vật liệu xây dựng về nhà đất thổ cư như hiện nay của vợ chồng để kinh doanh, không dám kinh doanh trên đất thổ cư nhà ông Ng nữa, đồng thời bà D vợ ông Ng tự ra quản lý ao ở xứ đồng Bia Vuông. Một phần muốn để cho vợ chồng ông Ng bớt khó khăn, nên vợ chồng ông để cho bà D quản lý ao cải thiện kinh tế gia đình. Giữa hai gia đình chưa thỏa thuận phân chia đất nông nghiệp với nhau.

Năm 2013 ông Ng chết, vợ chồng ông đã nói chuyện với bà D việc chia ruộng, nhưng bà D không nghe, ngược lại bà D nhận toàn bộ thửa đất ở xứ đồng Bia Vuông là tiêu chuẩn ruộng của hai vợ chồng bà, đồng thời còn cắt ra bán cho một số nhà khác, thấy vậy vợ chồng ông đã mua đất lấp khoảng 1/3 diện tích ao để quản lý sử dụng và ngăn chặn không cho bà D bán đất ruộng chung của hai nhà.

Quá trình giải quyết vợ chồng ông và bà D cùng với thôn và xã đã lập biên bản cam kết xác định diện tích đất nông nghiệp chung của hai hộ gia đình gồm ở Cửa Hàng; Đồng Lau Trên; Đồng Lau Dưới và Bia Vuông.

Quan điểm của ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết số tiền 8.000.000đ đã đưa cho bà O, coi như vợ chồng ông cho vợ chồng ông Ng số tiền này, chi phí lấp ao, trồng cây để giữ đất Bia Vuông ông không yêu cầu. Đối

với đất nông nghiệp ở 04 xứ đồng Cửa Hàng; Đồng Lau Trên; Đồng Lau rưới; Bia Vuông là đất chung của hai hộ gia đình, ông đề nghị phân chia theo tỷ lệ nhà ông 04 suất, nhà bà D 02 suất ở tất cả các xứ đồng trên.

Bị đơn Bà Đỗ Thị D trình bày:

Năm 1993 vợ chồng bà được chia 02 suất đất nông nghiệp, mỗi suất được chia 648m², tổng diện tích 1.296m², thực tế vợ chồng được giao 1.342m² gồm ở xứ đồng Bia Vuông, diện tích 934m² (nhưng chỉ phải chịu thuế 864m², được trừ 70m² chân tre), xứ đồng % diện tích 120m², xứ đồng Đồng Dừng 288m².

Năm 1997 vợ chồng bà và các con đi miền nam làm ăn, viết giấy ủy quyền cho ông Luyện Văn V ở nhà quản lý nhà và ruộng nông nghiệp, đồng thời ông V có trách nhiệm đóng thuế. Năm 2005 vợ chồng và các con về địa phương sinh sống, thì ông V bàn giao trả toàn bộ nhà đất và đất nông nghiệp.

Năm 2002 địa phương thực hiện việc dồn điền đổi thửa như thế nào, mỗi suất ruộng được chia lại bao nhiêu m², khi nhận lại đất có gấp phiếu chung hay không thì bà không biết.

Năm 2005, vợ chồng bà về sinh sống tại địa phương thì ông V bàn giao cho vợ chồng bà thửa đất ở Bia Vuông, vợ chồng bà canh tác từ năm 2005 đến năm 2015 ông V ra đổ gạch, đất và quản lý một phần diện tích ở xứ đồng Bia Vuông cho đến nay.

Có lời khai bà D lại trình bày: Trước năm 1997 vợ chồng bà mở lộn chung với bà O, do vỡ nợ nên cuối năm 1997 vợ chồng vào miền nam làm ăn, còn nợ tiền bà O nên vợ chồng thỏa thuận để cho bà O canh tác đất ruộng từ năm 1997 đến năm 2004 để trừ nợ, còn cụ thể nợ bà O bao nhiêu tiền bà không biết. Trong thời gian vợ chồng bà ở trong nam, thì bà O và ông V thỏa thuận về đất nông nghiệp của nhà bà như nào bà không biết. Năm 2002 chồng bà mang về quê 6.000.000đ để đào ao, trồng cây trên diện tích đất Bia Vuông, còn cụ thể đào ao, trồng cây hết bao nhiêu tiền, đào trước hay sau khi dồn điền đổi thửa bà không biết. Trong năm 2002 vợ chồng bà có biết địa phương dồn điền đổi thửa, vợ chồng bà có nhờ ông V đi gấp phiếu nhận hộ đất, không nhờ ông V đi gấp phiếu chung, nhưng đất ông V gấp phiếu chung là đất đồng, còn đất ở Bia Vuông không gấp phiếu, mà vẫn giữ nguyên từ năm 1993. Tháng 5 năm 2005 vợ chồng bà về quê sinh sống, do trước đó bị tai nạn nên thần kinh ông Ng không bình thường. Trong năm 2005 chồng bà kê khai quyền sử dụng đối với diện tích đất Bia Vuông, còn diện tích tại các xứ đồng khác thì không kê khai. Bà xác định toàn bộ diện tích đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia vuông là tiêu chuẩn ruộng của vợ chồng bà, nên bà không nhất trí chia như yêu cầu khởi kiện của ông V.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Cúc trình bày thống nhất với lời khai của ông V, đề nghị Tòa án phân chia 04 xứ đồng làm 06 suất ruộng, gia đình nhà bà 04 suất, nhà bà D 02 suất.

Ủy ban nhân dân xã Ngọc Long: Năm 1993 gia đình ông Luyện Văn Ng được chia 02 suất ruộng gồm của ông Ng và bà D; gia đình ông V được chia 04 suất gồm của ông V, bà C và cháu Nh, cháu A, mỗi suất được chia 660m². Năm 2002 địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa, hình thức nhận đất các hộ gấp

phiếu nhận ruộng. Do vợ chồng ông Ng và các con đang sinh sống tại miền nam nên tiêu chuẩn ruộng của hộ ông Ng ghép chung với hộ ông V tổng số là 06 suất, ông V là người trực tiếp đi gấp phiếu nhận đất ruộng của hai gia đình, nếu hai suất ruộng nhà ông Ng không ghép chung với 04 suất nhà ông V thì tiêu chuẩn ruộng nhà ông Ng sẽ bị địa phương quản treo. Toàn bộ diện tích đất ở xứ đồng Bia Vuông địa phương không đưa vào quỹ đất để cho các hộ gấp phiếu nhận đất. Ông V đã gấp phiếu được ở các xứ đồng Cửa Hàng diện tích 360m²; Đồng Lau trên 648m²; Đồng Lau dưới 1.656m² (sơ thẩm nhằm thành 1.526m²); Đồng Đùng một thửa 1.118m² và một thửa 142m². Sau khi gấp phiếu, hộ ông V không nhận 02 thửa đất ở xứ đồng Đồng Đùng, chỉ nhận ở Đồng Lau trên, Đồng Lau dưới, Cửa Hàng và giữ lại thửa 49 tờ bản đồ số 19 diện tích 934m² ở xứ đồng Bia Vuông. Vì hộ ông V đã đào ao, thả cá, trồng cây đối với 934m² ở xứ đồng Bia Vuông và cam kết thiếu không đòi thêm, thiếu ruộng gia đình tự chịu, nên địa phương nhất trí để hộ ông V trả lại 1.260m² đất ở Đồng Đùng và lấy 934m² ở xứ đồng Bia Vuông. Do hai nhà cùng chung một phương án và ông V là người đi gấp phiếu nhận đất chung, nên diện tích đất ở xứ đồng Cửa Hàng, Đồng Lau trên, Đồng Lau dưới và Bia Vuông là đất chung của nhà ông V và bà D, đề nghị Tòa án chia các xứ đồng làm 06 suất, nhà ông V được 04 suất, nhà bà D 02 suất.

Bà Ngô Thị C1 trình bày: Năm 2011 bà có mua của vợ chồng bà D – Nghi một suất ruộng nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông, chiều ngang 5m, chiều dài chạy sâu hết ruộng. Hai bên chưa đo đạc, cắm mốc giới, chưa bàn giao đất, chưa làm thủ tục sang tên, chỉ viết giấy tay không có xác nhận của chính quyền địa phương, do chưa bàn giao nên bà không biết vị trí đất mua ở chỗ nào của thửa đất. Khi mua là đất nông nghiệp nhưng đất đã đào thành ao. Nay bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc mua bán giữa bà với bà D. Nếu vị trí đất bà mua, nằm vào phần đất bà D phải trả ông V thì bà và bà D sẽ tự thỏa thuận thương lượng giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Ông Luyện Ngọc Th trình bày: Ông là chồng bà C1, ông không biết bà C1 mua đất của vợ chồng bà D khi nào, đây là việc riêng của bà C1 không liên quan đến ông.

Ông Luyện Văn C2 và bà Luyện Thị Th1 trình bày: Gia đình ông bà được chia 432m² tại Miếu Mới Âm Phủ, vợ chồng ông bà đã đổi 432m² cho ông V lấy 432m² ở Đồng Lau trên, sau đó ông V lại đổi 432m² của bà cho thôn làm quán trang, hiện nay vợ chồng bà đang trồng bưởi ở 432m² đất của ông V. Nay ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đổi đất ruộng giữa gia đình bà và ông V, nếu ông V phải trả bà D diện tích này thì vợ chồng bà và gia đình ông V, bà D tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Ông Luyện Văn Xn trình bày: Ông là người cày bừa của thôn, ông thấy diện tích đất ở xứ đồng Đồng Lau dưới của gia đình ông V bỏ hoang nên tự cày bừa và cấy lúa chứ không thuê của ai. Sau khi gặt lúa ông sẽ bàn giao trả ruộng cho ông V.

Ông Luyện Văn Th3 trình bày: Sau khi ông V đổi 432m² đất cho nhà ông bà C – Th, còn thừa 216m² đất bỏ không, ông thấy vậy nên ông trồng bưởi

trên đất này, nếu Tòa án phân chia phần đất này cho ai thì ông sẽ tự nguyện trả cho người đó.

Chị Trần Thị H trình bày: Vợ chồng chị có mua một suất đất thổ cư của bà D, chiều ngang 05m, chiều dài khoảng 09m, do đất liền kề với đất nông nghiệp tại xứ đồng Bia Vuông, nên chị mua tiếp một suất đất nông nghiệp liền kề đất thổ cư, chiều ngang 05m, chiều dài từ đất thổ cư đến đất công điền của xã. Hai bên chưa làm thủ tục sang tên, chưa bàn giao, chị mua một hai xe cát đổ lấp ao cấy rau muống, sau đó xây quây làm công trình phụ khoảng 19m². Nay chị không yêu cầu, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc chị mua phần đất nông nghiệp của bà D. Nếu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả ông V phần đất nông nghiệp trong đó có phần đất chị đã mua và xây dựng công trình phụ, thì chị và bà D sẽ tự thương lượng, thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Chị Luyện Thị A và Luyện Thị Nh có ý kiến: Năm 1993 các chị được chia đất nông nghiệp với bố mẹ, do còn nhỏ nên bố mẹ quản lý, canh tác toàn bộ. Năm 2002 địa phương dồn điền đổi thửa, bố các chị trực tiếp đi gấp phiếu, nhận đất cho cả gia đình và nhà ông Ng. Nay các chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và giao suất ruộng của các chị cho bố mẹ các chị quản lý, sử dụng, sau này các chị tự phân chia với bố mẹ.

Anh Đỗ Văn D đại diện theo uỷ quyền của chị Luyện Thị Quỳnh và anh Luyện Xuân Q trình bày: Năm 1993 địa phương giao ruộng các anh chị chưa sinh nên không được giao ruộng, các anh chị không biết ruộng của bố mẹ được chia ở đâu, nay các anh chị không yêu cầu chia thừa kế suất ruộng của bố, đề nghị giao toàn bộ đất của bố cho mẹ quản lý sử dụng.

Hội đồng định giá xác định: Giá đất tại các xứ đồng Cửa Hàng, Đồng Lau Trên, Đồng Lau Dưới, Bia Vuông, Đồng Đưng là 300.000đ/m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS - ST ngày 18/10/2019, TAND huyện Yên Mỹ quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Luyện Văn V.

Xác nhận 345,9m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 645,9m² xứ đồng Đồng Lau Trên; 1526m² xứ đồng Đồng Lau Dưới và 934m² ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY, là tiêu chuẩn đất chung của hộ gia đình Ông Luyện Văn V và gia đình Bà Đỗ Thị D.

Chia cho hộ Ông Luyện Văn V gồm Ông Luyện Văn V, bà Lê Thị C, chị Luyện Thị A, chị Luyện Thị Nh: 230,6m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 430,6m² ở xứ đồng Đồng Lau Trên; 1.017,2m² ở xứ đồng Đồng Lau dưới và 622,4m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY. Tổng diện tích hộ ông V được chia là: 2.300,8m².

Chia cho hộ Bà Đỗ Thị D gồm bà D và ông Luyện Văn Ng: 115,3m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 215,3m² ở xứ đồng Đồng Lau Trên; 508,6m² ở xứ đồng Đồng Lau dưới và 311,2m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY. Tổng diện tích hộ bà D được chia là: 1.150,4m².

Buộc vợ chồng chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn B phải tự tháo dỡ phần công trình xây dựng trái phép trên diện tích 19,5m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông để trả đất cho ông V.

Trong phạm vi đất được phân chia thì hộ ông V và hộ bà D được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Không xem xét các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa Bà Đỗ Thị D với gia đình ông bà Luyện Ngọc Th - Ngô Thị C và gia đình anh chị Trần Thị H - Nguyễn Văn B, nếu các đương sự không tự thương lượng thỏa thuận được thì một trong các bên được quyền làm đơn khởi kiện giải quyết ở vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2019, bà D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng: Cấp sơ thẩm không đưa hai con của bà và ông Ng vào tham gia tố tụng là vi phạm; đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sở hữu hợp pháp của gia đình bà đối với diện tích đất 934m² tại xứ đồng Bia Vuông.

Tại phiên tòa, bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc không đưa hai con là chị Luyện Thị Q và Luyện Xuân Q1 vào tham gia tố tụng, giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo còn lại. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận quyền sở hữu hợp pháp của gia đình bà D đối với diện tích đất 934m² tại xứ đồng Bia Vuông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 308,309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị D: Tuyên xử sửa bản án sơ thẩm chia lại diện tích 1.656 m² ở xứ đồng Lau Dưới cho hai hộ và tạm giao 25,8 m² đất dôi dư ở xứ đồng Lau Dưới cho hộ ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng đều được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà D thì thấy:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo về việc cho rằng cấp sơ thẩm không đưa hai con là chị Luyện Thị Quỳnh và Luyện Xuân Quyết vào tham gia tố tụng: Nhận thấy kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ Tòa sơ thẩm đã đưa hai con của ông Ng bà D là chị Quỳnh và anh Quyết vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh Q1, chị Q cũng có lời khai trong hồ sơ không yêu cầu chia ruộng mà anh chị được thừa kế từ ông Ng mà giao toàn bộ cho bà D. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là tự nguyện nên được chấp nhận, HĐXX đình chỉ không xem xét phần yêu cầu kháng cáo này.

[2.2]. Căn cứ lời khai của các đương sự, cung cấp của chính quyền địa phương, xác minh tại thôn Đông Phòng, có đủ căn cứ xác định tiêu chuẩn ruộng của hộ ông V và bà D năm 1993 như sau:

- Hộ gia đình ông Luyện Văn Ng được chia 02 suất ruộng gồm của ông Ng và bà D, mỗi suất được chia 660m² tại các xứ đồng: Cửa Hàng 84m², Đồng Buồng 120m², Bia Vuông 852m², Đồng Đùng 156m², Đồng Dư 108m². Tổng diện tích là 1320m².

- Hộ gia đình ông V được chia 04 suất (gồm của ông V, bà Cúc và chị Nhài, chị Anh, mỗi suất được chia 660m²) tại các xứ đồng: Cửa Hàng 240m², Đỉnh Đồng Lăn 384m², Bụi Tre 732m², Đồng Buồng 240m², Đồng Nga 181m², Đồng Lau 11m², Đồng Lộ 240m², Đồng Đùng 240m², Đồng Dư 372m². Tổng diện tích là 2640m².

****Về việc dồn thửa đổi ruộng năm 2002 của chính quyền xã Ngọc Long:***

Qua cung cấp tại chính quyền địa phương, thôn Đông Phòng và thừa nhận của các đương sự thì xác định năm 2002, xã Ngọc Long triển khai chính sách dồn thửa đổi ruộng. Ruộng của các hộ gia đình trên địa bàn xã được chia lại. Tiêu chuẩn ruộng và số nhân khẩu được chia của hai hộ ông V, bà D đều không thay đổi và giữ nguyên như năm 1993: định mức 660m²/khẩu.

Bà D trình bày tại đơn kháng cáo cho rằng, việc ghép phương án bóc thăm nhận đất chung với gia đình ông V không được sự đồng ý của gia đình bà. Trong khi ông V khẳng định, việc bóc thăm chia ruộng ông đã thông báo gọi điện cho vợ chồng ông Ng và vợ chồng ông Ng đồng ý.

Lời khai của bà D là không có căn cứ bởi lẽ:

Chính bà D thừa nhận trong thời điểm này, ông V đang là người trông coi hộ toàn bộ nhà đất của vợ chồng (gồm đất ở và đất nông nghiệp) và có nhờ ông V bóc thăm hộ ruộng. Bà chỉ thừa nhận việc ông V bóc hộ thăm nhưng là bóc thăm riêng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Đối với gia đình bà D, mặc dù biết việc chia lại ruộng nhưng cả trước trong và sau khi ông V bóc thăm đất, bà và ông Ng đều không có ý kiến gì.

Mặt khác theo hồ sơ lưu trữ tại địa phương về việc dồn điền đổi thửa cho thấy: Tại phương án dồn điền đổi thửa của thôn Đông Phòng, xã Ngọc Long (BL 104,105); số diện tích thôn Đông Phòng về dồn thửa đổi ruộng (BL115), tại số thứ tự 44 thì hộ gia đình ông V và hộ bà D ở cùng một phương án chia ruộng với 06 nhân khẩu (hộ ông V 4, hộ bà D 2) và tổng diện tích 3.960m².

Hồ sơ dồn điền phù hợp với cung cấp của Ủy ban xã Ngọc Long: Năm 2002 địa phương thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, hình thức nhận đất các hộ gấp phiếu nhận ruộng. Tiêu chuẩn ruộng của mỗi nhân khẩu giữ nguyên như năm 1993 là 660m²/khẩu. Do vợ chồng ông Ng và các con đang sinh sống tại miền nam nên tiêu chuẩn ruộng của hộ ông Ng ghép chung với hộ ông V tổng số là 06 suất, ông V là người trực tiếp đi gấp phiếu nhận đất ruộng của hai gia đình,

nếu hai suất ruộng nhà ông Ng không ghép chung với 04 suất nhà ông V thì tiêu chuẩn ruộng nhà ông Ng sẽ bị địa phương quản treo (BL188, 276, 277).

Phù hợp với lời khai của các ông Nguyễn Minh Hoạt - nguyên trưởng thôn Đông Phòng giai đoạn 1997 - 2003, ông Luyện Quang Hưng - nguyên trưởng thôn Đông Phòng giai đoạn 1993 -1994, nguyên bí thư chi bộ thôn giai đoạn 1994-2015 đồng thời là người lập phương án chia ruộng của thôn năm 2002, bà Nguyễn Thị Nhất - nguyên trưởng thôn giai đoạn 2003 - 2009 (BL 86, 117, 118, 280, 281) thể hiện hộ ông V, ông Ng chung 1 phương án chia đất.

Vì vậy có căn cứ xác định: ruộng của hộ ông V và ông Ng có chung một phương án chia năm 2002 như trình bày của ông V là có cơ sở.

Trên cơ sở phương án đã được thôn, xã xét duyệt. Ông V trực tiếp đi gấp phiếu nhận 3.960m² đất của 06 nhân khẩu của hai gia đình tại các xứ đồng: Đồng Lau Trên 648m², Cửa Hàng 360m², Đồng Đùng 1.296m² và Đồng Lau Dưới 1.656m². Phù hợp với Bản đồ giải thửa của các thửa ruộng đã được bốc thăm, ông Ng và ông V cùng đứng tên quyền sử dụng các thửa đất trên (BL 89 – 93). Cấp sơ thẩm đã sai sót diện tích Đồng Lau Dưới từ 1.656m² thành 1.526m² nên cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại.

Do vậy, theo quy định tại Điều 176; 179; 229; 230; 231; 690 Bộ luật dân sự năm 1995 thì toàn bộ diện tích đất trên là tài sản chung, thuộc sở hữu chung của hộ gia đình ông V và bà D.

Các thửa đất mà hộ ông V và bà D được chia năm 1993 cho đến lúc này không còn thuộc quyền quản lý sử dụng của hai hộ gia đình.

****Việc sử dụng các thửa ruộng sau khi dồn thửa và thửa đất tranh chấp tại xứ đồng Bia Vuông:***

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp diện tích 934m² tại xứ đồng Bia Vuông: Năm 1993 được chia cho hộ gia đình ông Ng bà D. Tuy nhiên, thời điểm năm 2002 khi dồn điền đổi thửa đã không còn là của hộ bà D, ông Ng.

Ông V trình bày: Sau khi gấp phiếu ông không nhận 1.296m² đất ở xứ đồng Đồng Đùng, mà tiếp tục canh tác tại 934m² ở xứ đồng Bia Vuông. Đồng thời đào ao, thả cá trồng cây trên đất với mục đích giữ lại đất Bia Vuông.

Lời trình bày của ông V có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã Ngọc Long: Ủy ban xã cung cấp, xứ đồng Bia Vuông xã không đưa vào diện bốc thăm mà để làm đất dịch vụ. Tuy nhiên sau khi bốc thăm, ông V đã từ chối nhận ruộng tại Đồng Đùng để tiếp tục canh tác tại Bia Vuông. Thực tế hộ ông V có việc đào ao thả cá trồng cây từ những năm 2002 được bà D thừa nhận (BL128), các nhân chứng (ông Đào Minh Biên là người trực tiếp đào ao, bà Luyện Thị Tuyền - nguyên cán bộ địa chính giai đoạn 1995 - 2013 xác nhận việc ông V đào ao thả cá, trồng cây để giữ đất Bia Vuông – BL119, 187).

Mặt khác tại biên bản làm việc ngày 25/7/2019 giữa UBND xã Ngọc Long và hai hộ ông V, bà D (BL285, 286) hai hộ bà D ông V cùng cam kết không nhận ruộng tại xứ đồng Đồng Đùng mà nhận ruộng Bia Vuông và chấp nhận diện tích thiếu so với tiêu chuẩn. Chính quyền xã đồng ý việc hoán đổi này và cho 2 hộ giữ nguyên hiện trạng tại xứ đồng Bia Vuông, diện tích ruộng tại cánh Đồng Đùng thuộc quyền quản lý của UBND xã. Đối với bà D, chính bà cũng thừa nhận đã ký cam kết ngày 25/7/2019 với UBND xã Ngọc Long là hai

gia đình không nhận, không đòi hỏi lấy hai thửa đất ở xứ Đồng Đưng là 1260m² để nhận thửa đất 934m² ở xứ đồng Bia Vuông (BL182). Phù hợp với cung cấp của các ông Nguyễn Minh Hoat, Luyện Quang Hưng, nguyên trưởng thôn qua các thời kỳ (BL 86, 118), và sổ quản lý đất nông nghiệp của thôn Đồng Phòng (BL102).

Từ những căn cứ trên xác định 934m² đất ruộng tại xứ đồng Bia Vuông là tài sản chung của hai hộ ông V, bà D như trình bày của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3]. Về việc bà D đã chuyển nhượng cho gia đình bà Cúc, Thanh và nhà chị Hằng, Bằng mỗi nhà một suất đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông kích thước chiều ngang 05m, chiều dài hết thửa đất, nhưng các bên chưa đo đạc chưa bàn giao.

Kết quả xác minh chính quyền địa phương chưa chứng thực bất cứ văn bản chuyển nhượng đất nào liên quan đến diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng Bia Vuông. Việc chuyển nhượng không được sự đồng ý của hộ gia đình ông V nên đều không hợp pháp. Thực tế diện tích đất ở xứ đồng Bia Vuông ông V đang quản lý sử dụng 291m², chị Hằng quản lý sử dụng 18,96m² (sơ thẩm nhầm thành 19,5m²), phần còn lại do bà D đang sử dụng. Giữa bà D với gia đình nhà bà Cúc và gia đình chị Hằng chưa đo đạc, bàn giao đất cho nhau.

Trên diện tích 18,96m² chị Hằng đã xây dựng công trình phụ và một phần ngôi nhà cấp 4. Chủ tịch UBND xã Ngọc Long đã xử phạt hành chính gia đình chị Hằng 1.000.000đ về hành vi này và yêu cầu tự dỡ toàn bộ phần xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, trả lại nguyên trạng đất như khi chưa vi phạm. Nên cần buộc chị Hằng, anh Bằng phải tự tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích 18,96m² trả đất cho ông V, bà D.

Do gia đình ông bà C, Th và gia đình anh chị H, B và bà D cùng đề nghị Tòa án không xem xét việc chuyển nhượng này. Chị H và bà C xác định nếu phần đất của hai nhà nằm trong phần đất bà D phải trả ông V thì mọi người sẽ tự thỏa thuận với bà D, nếu không thỏa thuận được sẽ làm đơn giải quyết ở vụ kiện khác. Về phía ông V cũng nhất trí không đề nghị xem xét các giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà D và gia đình ông bà C, Th và gia đình anh chị H, B. Vợ chồng chị H cũng không yêu cầu xem xét việc bồi thường thiệt hại cho chị đối với phần công trình phải tự tháo dỡ trong vụ kiện. Nên cấp sơ thẩm không xem xét các giao dịch chuyển nhượng giữa bà D và gia đình ông bà C, Th và gia đình anh chị H, B; không xem xét việc bồi thường thiệt hại cho gia đình chị H đối với phần công trình phải tự tháo dỡ; dành cho các đương sự tự thương lượng, thỏa thuận, nếu không có kết quả thì một trong các bên được quyền khởi kiện ở vụ kiện khác là có căn cứ, cần được giữ nguyên.

[2.4]. Từ các phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V chia diện tích đất ở các xứ đồng làm 06 suất, nhà ông V được 04 suất, nhà bà D được 02 suất, theo biên bản thẩm định và đo đạc thì các xứ đồng có diện tích thực tế như sau.

- Xứ đồng Cửa Hàng diện tích giao 360m². Diện tích thực tế là 345,9m².
- Xứ đồng Đồng Lau Trên diện tích giao 648m². Diện tích thực tế là 645,9m².

- Xứ đồng Đồng Lau Dưới diện tích giao 1.656m^2 (Án sơ thẩm đã nhầm lẫn diện tích giao là 1.526m^2). Diện tích thực tế là $1.681,8\text{m}^2$. Thừa $25,8\text{m}^2$ so với diện tích được giao.

- Xứ đồng Bia Vuông diện tích trong bản đồ Vlap và diện tích thực tế hiện nay là 934m^2 .

Theo quan điểm của địa phương thì diện tích đất thực tế ở các xứ đồng nhỏ hơn hoặc bằng với diện tích giao năm 2002 thì lấy diện tích thực tế phân chia cho hai hộ, ngược lại diện tích đất thực tế lớn hơn diện tích được giao năm 2002 thì lấy diện tích được giao năm 2002 phân chia cho hai hộ.

Đối với diện tích thừa $25,8\text{m}^2$ tại xứ đồng Đồng Lau Dưới, UBND xã đề nghị không chia cho các đương sự mà chỉ tạm giao cho gia đình ông V. Nhận thấy, phần đất dôi dư này bà D không yêu cầu xem xét nên HĐXX sẽ tạm giao cho ông V quản lý chờ xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

Diện tích của hộ ông V và bà D ở các xứ đồng được chia cụ thể như sau.

Xứ Cửa Hàng $345,9\text{m}^2 : 6 = 57,65\text{m}^2$.

Nhà ông V được chia 4 suất = $230,6\text{m}^2$ (1)

Nhà Bà D được chia 2 suất = $115,3\text{m}^2$ (2)

Xứ Đồng Lau Trên $645,9\text{m}^2 : 6 = 107,65\text{m}^2$

Nhà ông V được chia 4 suất = $430,6\text{m}^2$ (3)

Nhà Bà D được chia 2 suất = $215,3\text{m}^2$ (4)

Xứ Đồng Lau Dưới $1.656\text{m}^2 : 6 = 276\text{m}^2$

Nhà ông V được chia 4 suất = 1.104m^2 (5)

Nhà Bà D được chia 2 suất = 552m^2 (6)

Xứ Bia Vuông $934\text{m}^2 : 6 = 155,6\text{m}^2$

Nhà ông V được chia 4 suất = $622,4\text{m}^2$ (7)

Nhà Bà D được chia 2 suất = $311,2\text{m}^2$ (8)

Tổng diện tích hộ ông V được chia là: (1) + (3) + (5) + (7) = $2.387,6\text{m}^2$.

Tổng diện tích hộ bà D được chia là: (2) + (4) + (6) + (8) = $1.193,8\text{m}^2$.

[2.5]. Về việc Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, chính quyền địa phương áp dụng không đúng quyết định số 33/2002/QĐ - UB ngày 10/7/2002 của UBND tỉnh Hưng Yên về dồn điền, đổi thửa thì thấy: Căn cứ yêu cầu và nguyên tắc thực hiện, Chính quyền xã Ngọc Long đã giao thôn Đông Phòng lên phương án dồn điền. Phương án dồn điền, đổi ruộng của thôn Đông Phòng được xã, huyện phê duyệt và đưa ra thực hiện. Ông V, đại diện cho hai hộ ông V, ông Ng đã gấp phiếu chung cho hai gia đình là đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không được chấp nhận.

[2.6]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Diện tích ruộng giao cho các đương sự tại xứ đồng Đồng Lau Dưới tăng lên nên án phí dân sự sơ thẩm có sự thay đổi.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần diện tích giao cho hai hộ tại xứ Đồng Lau Dưới nên bà D không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 176, 179, 229, 230, 231, 690 Bộ luật Dân sự năm 1995. Điều 158, 207, 208, 209, 212, 218, 219 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 166, 167, 168, 169, 170, điểm a khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS - ST ngày 18/10/2019 của TAND huyện Yên Mỹ như sau:

[1.1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Luyện Văn V.

Xác nhận 345,9m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 645,9m² xứ Đồng Lau Trên; 1.656m² xứ đồng Đồng Lau Dưới và 934m² ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY, là tiêu chuẩn đất chung của hộ gia đình Ông Luyện Văn V và gia đình Bà Đỗ Thị D.

Chia cho hộ Ông Luyện Văn V gồm Ông Luyện Văn V, bà Lê Thị C, chị Luyện Thị A, chị Luyện Thị Nh: 230,6m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 430,6m² ở xứ đồng Đồng Lau Trên; 1.104m² ở xứ đồng Đồng Lau Dưới và 622,4m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY. Tổng diện tích hộ ông V được chia là: 2.387,6m².

Chia cho hộ Bà Đỗ Thị D gồm bà D và ông Luyện Văn Ng: 115,3m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Hàng; 215,3m² ở xứ đồng Đồng Lau Trên; 552m² ở xứ đồng Đồng Lau Dưới và 311,2m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông thuộc Thôn ĐP, xã NgL, huyện YM, tỉnh HY. Tổng diện tích hộ bà D được chia là 1.193,8m².

(Có sơ đồ phân chia kèm theo)

Buộc vợ chồng chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn B phải tự tháo dỡ phần công trình xây dựng trái phép trên diện tích 18,96m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Bia Vuông để trả đất cho ông V.

Trong phạm vi đất được phân chia thì hộ ông V và hộ bà D được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tạm giao 25,8m² đất ruộng thừa tại xứ đồng Đồng Lau Dưới cho gia đình ông V chờ xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

[1.2]. Không xem xét các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa Bà Đỗ Thị D với gia đình ông bà Luyện Ngọc Th - Ngô Thị C và gia đình anh chị Trần Thị H - Nguyễn Văn B, nếu các đương sự không tự thương lượng thỏa thuận được thì các bên được quyền làm đơn khởi kiện giải quyết ở vụ kiện khác.

[1.3]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Luyện Văn V phải chịu 32.651.200đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 12.912.000đ tạm ứng án phí ông V đã nộp tại biên lai số 0002719 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ, ông V còn phải nộp 19.736.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Luyện Thị D phải chịu 17.907.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả bà D 300.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003048 ngày 04/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THA huyện Yên Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Trung Thực

Các thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán

Hoàng Hữu Tăng

Vũ Thị Nga

Phạm Trung Thực